

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/VIFON CORP/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028. 38153947 – 38153933

Fax: 028. 38153059

Email: vifon@vifon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 1101171437

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NHẤT VỊ MÌ TRỘN BÒ TEXAS CHUA NGỌT**

2. Thành phần:

Vất mì: Bột mì (48%), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa (tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp))), tinh bột khoai mì, muối ăn, chất ổn định (INS 1420, pentanatri triphosphat, gôm gua, propylen glycol alginat, natri carboxymethyl cellulose), chất nhũ hóa (lecithin), chất tạo xốp (natri carbonat). **Gói xốt:** Nước, đường (4,7%), dầu cọ tinh luyện, tỏi, gia vị bò nướng Texas (ớt, tiêu, hương liệu (hương khói tổng hợp)) (1%), bột thịt bò (1%), tương hột, muối ăn, chất làm dày (INS 1422, INS 415), chất điều vị (mononatri L- glutamat), nước mắm, cà chua (0,3%), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất bảo quản (INS 202, INS 211). **Gói tương ớt:** Nước, ớt (0,5%), đường (0,5%), tỏi, muối ăn, cà chua cô đặc (0,1%), chất làm dày (INS 1422), chất điều chỉnh độ acid (INS 260, INS 330), chất bảo quản (INS 202). **Gói rau sấy:** Hành tây sấy, hành lá sấy.

Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành, cá.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 115 g/cốc (ly) hoặc 115 g/gói hoặc 115 g/tô hoặc 115 g/khay.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trong bao bì phức hợp giấy/nhựa PE với lớp bên trong là PE hoặc phức hợp giấy/nhựa PP với lớp bên trong là PP hoặc bao bì OPP/MCPPP với lớp bên trong là MCPPP hoặc bao bì OPP/PP với lớp bên trong là PP hoặc bao bì OPP/PE với lớp bên trong là PE hoặc bao bì PP hoặc bao bì PS, lớp bao bì bên trong phù hợp quy định bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Nắp cốc (ly) hoặc tô hoặc khay có chất liệu PP hoặc cấu trúc C/MPET/PE với lớp PE là lớp bên trong hoặc cấu trúc phức hợp giấy/nhựa PE với lớp bên trong là PE phù hợp quy định tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

* Gói xốt và gói tương ớt được bao gói bằng bao bì OPP/MCPP với lớp bên trong là MCPP hoặc bao bì PET/MPET/PE với lớp bên trong là PE hoặc bao bì OPP/PE với lớp bên trong là PE hoặc PET/OPP với lớp bên trong là CPP hoặc PET/PE với lớp bên trong là PE, lớp bên trong phù hợp quy định bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

* Bao bì ngoài: Sản phẩm sau khi được bao gói được xếp vào thùng giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Sản xuất tại: Xem cạnh ngày sản xuất:

- **A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(Số chứng nhận đăng ký HACCP số: TNV178170135. Ngày cấp/Nơi cấp: 23/03/2023/ Công ty TNHH TUV NORD Việt Nam).

- **B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Lô đất CN8, khu công nghiệp Tân Trường, Xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

(Số Giấy chứng nhận TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018: HA 508/3.25.CIV. Ngày cấp/Nơi cấp: 01/10/2025/Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quốc gia- Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert)).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0
3	Orchratoxin A	µg/kg	3,0

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
 - Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
 - Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
 - Yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn của nhà sản xuất:
- + Giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁶
2	Coliforms	CFU/g	10 ³
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10 ²
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10 ²
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10 ²
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10 ²
7	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có
8	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 ³

+ Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái vắt mì	Không quá xốp, khô, giòn, nguyên vát, được phép sứt cạnh một ít. Sợi mì không quá sần sùi, sóng sợi đều.
2. Màu sắc vắt mì	Màu vàng đặc trưng tương đối đều cả hai mặt, cho phép không quá 1 đốm trắng, và đường kính tương đương đốm trắng phải nhỏ hơn 1,0 cm.
3. Mùi vị của vắt mì và gia vị	Có mùi thơm của vắt mì chiên, kết hợp với mùi vị đặc trưng của sản phẩm Nhật vị mì trộn bò texas chua ngọt. Sản phẩm không có hiện tượng hư hỏng như có mùi ôi, khé, mốc...
4. Độ dai và độ trương nở của sợi mì	Cho nước sôi vào vắt mì, sau 4 phút sợi mì mềm, dai. Sau 8 phút sợi mì trương nở không đáng kể.
5. Tạp chất	Không có cát sạn hoặc tạp chất lạ.

+ Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm vắt mì	g / 100g	≤ 7,0
2	Hàm lượng béo vắt mì	g/100g	14,0 – 20,0

3	Hàm lượng tro không tan trong acid HCl 10%	g / 100g	≤ 0,1
4	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	g / 100g	2,0 – 3,7
5	Chỉ số peroxide vết mì	meqO ₂ /kg	≤ 20,0
6	Chỉ số acid vết mì	mg KOH/g	≤ 2,0

+ Thông tin dinh dưỡng:

STT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Mức công bố		Giá trị ghi trên nhãn sản phẩm
			Cho 100 g sản phẩm	Cho 1 cốc 115 g	Cho 1 cốc 115 g
1	Năng lượng	kcal	313,9 – 470,8	361,0 – 541,4	451,2
2	Hàm lượng chất đạm	g	5,635 – 8,45	6,48 – 9,72	8,1
3	Hàm lượng carbohydrat	g	44,035 – 66,05	50,64 – 75,96	63,3
4	Hàm lượng đường tổng số	g	6,14 – 10,9	7,06 – 12,54	9,8
5	Hàm lượng chất béo	g	12,8 – 19,2	14,72 – 22,08	18,4
6	Hàm lượng chất béo bão hòa	g	6,14 – 10,9	7,06 – 12,54	9,8
7	Hàm lượng Natri (Na)	mg	950,4 – 1689,6	1093 – 1943	1518

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Lý Thị Kim Châu

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

NHẤT VỊ MÌ TRỘN BÒ TEXAS CHUA NGỌT

Khối lượng tịnh: 115 g

Thành phần:

Vật mì: Bột mì (48%), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa (tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp))), tinh bột khoai mì, muối ăn, chất ổn định (INS 1420, pentanatri triphosphat, gôm gua, propylen glycol alginat, natri carboxymethyl cellulose), chất nhũ hóa (lecithin), chất tạo xốp (natri carbonat)

Gói xốt: Nước, đường (4,7%), dầu cọ tinh luyện, tỏi, gia vị bò nướng Texas (ớt, tiêu, hương liệu (hương khói tổng hợp)) (1%), bột thịt bò (1%), tương hột, muối ăn, chất làm dày (INS 1422, INS 415), chất điều vị (mononatri L- glutamat), nước mắm, cà chua (0,3%), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất bảo quản (INS 202, INS 211).

Gói tương ớt: Nước, ớt (0,5%), đường (0,5%), tỏi, muối ăn, cà chua cô đặc (0,1%), chất làm dày (INS 1422), chất điều chỉnh độ acid (INS 260, INS 330), chất bảo quản (INS 202).

Gói rau sấy: Hành tây sấy, hành lá sấy.

Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành, cá.

Thông tin dinh dưỡng:

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Thành phần dinh dưỡng	Cho 1 cốc 115 g
Năng lượng	451,2 kcal
Chất đạm	8,1 g
Carbohydrat	63,3 g
Đường tổng số	9,8 g
Chất béo	18,4 g
Chất béo bão hòa	9,8 g
Natri	1518 mg

Hướng dẫn sử dụng:

- Mở nắp, cho vật mì và gói rau vào cốc
- Rót nước sôi vào cốc sao cho ngập vật mì (khoảng 320ml)
- Đậy nắp và chờ 4 phút
- Chắt bỏ hết nước trong cốc
- Mở nắp, cắt gói xốt và gói tương ớt cho vào trộn đều cùng sợi mì và thưởng thức

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời

NSX/HSD: Xem trên bao bì.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

E-mail: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: Xem cạnh NSX/HSD

A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153059

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Lô đất CN8, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tel: 84.0220.3570660



NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

NHÁT VỊ MÌ TRỘN BÒ TEXAS CHUA NGỌT
SWEET AND SOUR TEXAS BEEF FLAVOR DRIED MIX INSTANT NOODLE
TEXASKÉ SLADKOKYSELÁ HOVĚZÍ NUDLE

Khối lượng tịnh / Net weight: 115 g

Thành phần:

Vết mì: Bột mì (48%), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa (tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp))), tinh bột khoai mì, muối ăn, chất ổn định (INS 1420, pentanatri triphosphat, gôm gua, propylen glycol alginat, natri carboxymethyl cellulose), chất nhũ hóa (lecithin), chất tạo xốp (natri carbonat).

Gói sốt: Nước, đường (4,7%), dầu cọ tinh luyện, tỏi, gia vị bò nướng Texas (ớt, tiêu, hương liệu (hương khói tổng hợp)) (1%), bột thịt bò (1%), tương hạt, muối ăn, chất làm dày (INS 1422, INS 415), chất điều vị (mononatri L- glutamat), nước mắm, cà chua (0,3%), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất bảo quản (INS 202, INS 211).

Gói tương ớt: Nước, ớt (0,5%), đường (0,5%), tỏi, muối ăn, cà chua cô đặc (0,1%), chất làm dày (INS 1422), chất điều chỉnh độ acid (INS 260, INS 330), chất bảo quản (INS 202).

Gói rau sấy: Hành tây sấy, hành lá sấy.

Sản phẩm có chứa: Bột mì, đậu nành, cá.

INGREDIENTS:

Noodles: Wheat flour (48%), palm fat (palm fat, antioxidant (tocopherol concentrate, mixed)), tapioca starch, salt, stabilizers (INS 1420, pentasodium triphosphate, guar gum, propylene glycol alginate, sodium carboxymethyl cellulose), emulsifier (lecithin), raising agent (sodium carbonate).

Sauce pack: Water, sugar (4,7%), refined palm oil, garlic, spices for Texas beef BBQ (chili, pepper, flavoring (artificial smoke flavor)) (1%), beef powder (1%), salted soy bean, salt, thickeners (INS 1422, INS 415), flavor enhancer (monosodium L- glutamate), fish sauce, tomato (0,3%), natural color (paprika oleoresin), acidity regulator (INS 330), preservatives (INS 202, INS 211).

Chilli sauce pack: Water, chili (0,5%), sugar (0,5%), garlic, salt, tomato paste (0,1%), thickener (INS 1422), acidity regulators (INS 260, INS 330), preservative (INS 202).

Dried vegetables pack: Dried onion, dried green onion.

Contains: Wheat, soybeans, fish.

SLOŽENÍ:

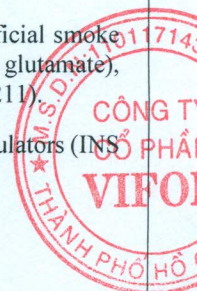
Nudle: Pšeničná mouka (48 %), palmový olej (palmový olej, antioxidant (koncentrát tokoferolů (směs))), tapiokový škrob, sůl, stabilizátor (INS 1420, pentasodný trifosfát, guarová guma, propylenglykol Nudle: Pšeničná mouka (48 %), palmový olej (palmový olej, antioxidant (koncentrát tokoferolů (směs))), tapiokový škrob, sůl, stabilizátor (INS 1420, pentasodný trifosfát, guarová guma, propylenglykol alginát, alginát, sodná sůl karboxymethylcelulózy), emulgátor (lecitin), kypřicí látka (uhličitan sodný).

Balíček omáčky: Voda, cukr (4,7 %), rafinovaný palmový olej, česnek, texaské barbecue koření na hovězí maso (chilli, pepř, aroma (syntetické kouřové aroma)) (1 %), hovězí prášek (1 %), sójová omáčka, sůl, zahušťovadla (INS 1422, INS 415), látka zvýrazňující chuť (monosodný L-glutamát), rybí omáčka, rajčata (0,3 %), přírodní barvivo (paprikový olejový pryskyřice), regulátor kyselosti (INS 330), konzervační látky (INS 202, INS 211).

Složení chilli omáčky: voda, chilli (0,5 %), cukr (0,5 %), česnek, sůl, rajčatový koncentrát (0,1 %), zahušťovadlo (INS 1422), regulátor kyselosti (INS 260, INS 330), konzervant (INS 202).

Balíček sušené zeleniny: Sušená cibule, sušená zelená cibule.

Produkt obsahuje: pšeničnou mouku, sójové boby, ryby.



HL

Thông tin dinh dưỡng:

THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION INFORMATION / NUTRIČNÍ INFORMACE	
Thành phần dinh dưỡng / Nutrient components / Výživové složky	Cho 1 cốc 115 g / Per 1 cup 115 g / Na 1 šálek 115 g
Năng lượng / Energy / Energie	451,2 kcal
Chất đạm / Protein / Bílkoviny	8,1 g
Carbohydrat / Carbohydrate / Sacharidy	63,3 g
Đường tổng số / Total Sugars / Celkový obsah cukru	9,8 g
Chất béo / Total Fat / Celkový obsah tuku	18,4 g
Chất béo bão hòa / Saturated fat / Nasycené tuky	9,8 g
Natri / Sodium / Sodík	1518 mg

Hướng dẫn sử dụng / Directions / Návod k použití:

- Mở nắp, cho vắt mì và gói rau vào cốc./ Open the lid, put the noodles and vegetables pack into the cup./ Otevřete víčko, vložte nudle a balíček se zeleninou do kelímku.
- Rót nước sôi vào cốc sao cho ngập vắt mì (khoảng 320ml)./ Pour boiling water into the cup to cover the noodles (about 320ml)./ Nalijte do šálku vroucí vodu tak, aby pokryla nudle (asi 320 ml).
- Đậy nắp và chờ 4 phút./ Cover with the lid and wait for 4 minutes./ Zakryjte a počkejte 4 minuty.
- Chắt bỏ hết nước trong cốc./ Drain off water./ Vylíjте veškerou vodu z kelímku.
- Mở nắp, cắt gói sốt và gói tương ớt cho vào trộn đều cùng sợi mì và thưởng thức./ Open the lid, cut and put the sauce pack, the chili sauce pack, mix well with the noodles and enjoy./ Otevřete víčko, rozřízněte sáček s omáčkou a sáček s chilli omáčkou, dobře promíchejte s nudlemi a vychutnejte si.

Hướng dẫn bảo quản / Storage conditions / Pokyny pro skladování: Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời./ Keep in dry, cool place and avoid direct sunlight./ Skladujte na chladném, suchém místě mimo dosah slunečního záření.

NSX/HSD: Xem trên bao bì.

MFG/EXP: See on the package.

Datum výroby/datum spotřeby: viz obal.

Thông tin cảnh báo / Attention / Varovné informace: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm. / Don't use products past their expiration date. Not suitable for individuals with hypersensitive or allergic to any ingredients in this product. / Nepoužívejte prošlé výrobky. Nepoužívejte pro osoby, které jsou citlivé nebo alergické na složky výrobku.

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam / Made in Vietnam.

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON/ PREMIUM OF VIFON CORPORATION

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / 913 Truong Chinh, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

E-mail: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: Xem cạnh NSX/HSD / **Manufacturing by:** see next to MFG/EXP

A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM / VIETNAM INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / 913 Truong Chinh, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

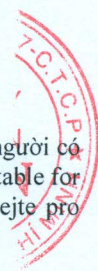
Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153059

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG / VIFON CORPORATION- HAI PHONG BRANCH

Lô đất CN8, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

/ Lot CN8, Tan Truong Industrial, Mao Dien Commune, Hai Phong City, Vietnam

Tel: 84.0220.3570660



ch



VIFON VỊ NGON CHUẨN VIỆT

VN THÀNH PHẦN:

Vật mì: Bột mì (48%), dầu cọ (dầu cọ, chất chống oxy hóa (tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp))), tinh bột khoai mì, muối ăn, chất ổn định (INS 1420, pentanatri triphosphat, gồm gua, propylen glycol alginat, natri carboxymethyl cellulose), chất nhũ hóa (lecithin), chất tạo xốp (natri carbonat). **Gói sốt:** Nước, đường (4,7%), dầu cọ tinh luyện, tỏi, gia vị bò nướng Texas (ớt, tiêu, hương liệu (hương khối tổng hợp)) (1%), bột thịt bò (1%), tương hạt, muối ăn, chất làm dày (INS 1422, INS 415), chất điều vị (mononatri L- glutamat), nước mắm, cà chua (0,3%), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất bảo quản (INS 202, INS 211). **Gói tương ớt:** Nước, ớt (0,5%), đường (0,5%), tỏi, muối ăn, cà chua cô đặc (0,1%), chất làm dày (INS 1422), chất điều chỉnh độ acid (INS 260, INS 330), chất bảo quản (INS 202). **Gói rau sấy:** Hành tây sấy, hành lá sấy. **Sản phẩm có chứa:** Bột mì, đậu nành, cá.

EN INGREDIENTS:

Noodles: Wheat flour (48%), palm fat (palm fat, antioxidant (tocopherol concentrate, mixed)), tapioca starch, salt, stabilizers (INS 1420, pentasodium triphosphate, guar gum, propylene glycol alginate, sodium carboxymethyl cellulose), emulsifier (lecithin), raising agent (sodium carbonate). **Sauce pack:** Water, sugar (4,7%), refined palm oil, garlic, spices for Texas beef BBQ (chili, pepper, flavoring (artificial smoke flavor)) (1%), beef powder (1%), salted soy bean, salt, thickeners (INS 1422, INS 415), flavor enhancer (monosodium L- glutamate), fish sauce, tomato (0,3%), natural color (paprika oleoresin), acidity regulator (INS 330), preservatives (INS 202, INS 211). **Chili sauce pack:** Water, chili (0,5%), sugar (0,5%), garlic, salt, tomato paste (0,1%), thickener (INS 1422), acidity regulators (INS 260, INS 330), preservative (INS 202). **Dried vegetables pack:** Dried onion, dried green onion.

Contains: Wheat, soybeans, fish.

NSX/HSD: Xem trên bao bì.

MFG/EXP: See on the packaging.

Datum výroby/datum spotřeby: viz obal.

Số TC: 10/VIFON CORP/2026



NHẬT VỊ MÌ TRỘN BÒ TEXAS CHUA NGỌT/ SWEET AND SOUR TEXAS BEEF FLAVOR DRIED MIX INSTANT NOODLE / TEXASKÉ SLADKOKYSELÉ HOVĚŽÍ NUDLE

THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION INFORMATION / NUTRIČNÍ INFORMACE

Thành phần dinh dưỡng / Nutrient components / Výživové složky	Cho 1 cốc 115 g / Per 1 cup 115 g / Na 1 šálek 115 g
Năng lượng / Energy / Energie	451,2 kcal
Chất đạm / Protein / Bílkoviny	8,1 g
Carbohydrat / Carbohydrate / Sacharidy	63,3 g
Đường tổng số / Total Sugars / Celkový obsah cukrů	9,8 g
Chất béo / Total Fat / Celkový obsah tuků	18,4 g
Chất béo bão hòa / Saturated fat / Nasycené tuky	9,8 g
Natri / Sodium / Sodík	1518 mg

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Attention: Don't use products past their expiration date. Not suitable for individuals with hypersensitive or allergic to any ingredients in this product.

Varovné informace: Nepoužívejte prošlé výrobky. Nepoužívejte pro osoby, které jsou citlivé nebo alergické na složky výrobku.

Hướng dẫn bảo quản / Storage conditions / Pokyny pro skladování: Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời. / Keep in dry, cool place and avoid direct sunlight. / Skladujte na chladném, suchém místě mimo dosah slunečního záření.

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM / MADE IN VIETNAM

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON / PREMIUM PRODUCT OF VIFON CORPORATION
913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / 913 Trường Chinh, Tây Thạnh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

E-mail: vifon@vifon.com.vn Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: xem cạnh NSX/HSD / Manufacturing by: see next to MFG/EXP

A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM / VIETNAM FOOD INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY
913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / 913 Trường Chinh, Tây Thạnh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: 84.28.38153047 Fax: 84.28.38153059

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG / VIFON CORPORATION - HAI PHONG BRANCH
Lô đất CN8, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
/ Lot CN8, Tân Trường Industrial Zone, Mao Dien Commune, Hai Phong City, Vietnam. Tel: 84.0220.3570660

Tư vấn khách hàng

1800 1097



VIFON®

Cảm ơn Quý khách đã đồng hành cùng VIFON. VIFON luôn tiên phong trong công nghiệp hóa các món ăn truyền thống của Việt Nam, là công ty đầu tiên sản xuất các sản phẩm Phở, Bánh Đa Cua, Bún, Hủ Tiếu... ăn liền, gói gọn vị ngon chuẩn Việt trong từng sản phẩm.

CZ SLOŽENÍ:

Nudle: Pšeničná mouka (48 %), palmový olej (palmový olej, antioxidant (koncentrát tokoferolů (směs)), tapikový škrob, sůl, stabilizátor (INS 1420, pentasodný trifosfát, guarová guma, propylenglykol alginát, sodná sůl karboxymethylcelulózy), emulgátor (lectin), kypřicí látka (uhličitan sodný), Balíček omáčky: Voda, cukr (4,7 %), rafinovaný palmový olej, česnek, texaské barbecue koření na hověží maso (chili, pepř, aroma (syntetické koutivé aroma)) (1 %), hověží prášek (1 %), sójová omáčka, sůl, zahusťovač (INS 1422, INS 415), látka zvýrazňující chut (monosodný L- glutamát), rybí omáčka, rajčata (0,3 %), přírodní barvivo (pepprikový olejový extrakt), regulátor kyselosti (INS 330), konzervační látky (INS 202, INS 211). **Složení chilli omáčky:** voda, chilli (0,5 %), cukr (0,5 %), česnek, sůl, rajčatový koncentrát (0,1 %), zahusťovač (INS 1422), regulátor kyselosti (INS 260, INS 330), konzervant (INS 202).

Balíček sušené zeleniny: Sušená cibule, sušená zelená cibule.

Produkt obsahuje: pšeničnou mouku, sójové boby, ryby.

Hướng dẫn sử dụng / Directions/ Návod k použití:

1. Mở nắp, cho vật mì và gói rau vào cốc. / Open the lid, put the noodles and vegetables pack into the cup. / Otevřete víčko, voďte nudle a balíček se zeleninou do kelímku.
2. Rót nước sôi vào cốc sao cho ngập vật mì (khoảng 320ml). / Pour boiling water into the cup to cover the noodles (about 320ml). / Nalijte do šálku vroucí vodu tak, aby pokryla nudle (asi 320 ml).
3. Đậy nắp và chờ 4 phút. / Cover with the lid and wait for 4 minutes. / Zakryjte a počkejte 4 minuty.
4. Chắt bỏ hết nước trong cốc. / Drain off water. / Vylijte veškerou vodu z kelímku.
5. Mở nắp, cắt gói sốt và gói tương ớt cho vào trộn đều cùng sợi mì và thưởng thức. / Open the lid, cut and put the sauce pack, the chili sauce pack, mix well with the noodles and enjoy. / Otevřete víčko, rozřízněte sáček s omáčkou a sáček s chilli omáčkou, dobře promíchejte s nudlemi a vychutnejte si.

VIFON® MADE IN VIETNAM



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2502270919

Mã số mẫu : 743-2025-00031423

Tên mẫu :

Nhất Vị Mì Trộn Bò Texas Chua Ngọt

Ngày nhận mẫu :

28/02/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/03/2025

Thời gian thử nghiệm :

28/02/2025 - 21/03/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.5x10 ¹
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD157 VD (a) Xơ thực phẩm	g/ 100 g	AOAC 991.43	3.24
10	VD836 VD (a) Béo (vắt)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	16.9
11	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	2.76
12	VD0BN VD (a) Hàm lượng chất béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	8.14
13	VD115 VD (a) Tro không tan trong acid HCl 10%	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3535 (2019) (Ref. AOAC 920.46)	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD2EP VD (a) Chỉ số acid vắt mì	mg KOH/ g fat	EVN-R-RD-2-TP-5863 (Ref. TCVN 6127:2010, ISO 660:2020)	0.73
15	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	13200
16	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00031423

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
21	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	57.5
22	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	15.5
23	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	7.13
24	VDQ54 VD (a) Chỉ số peroxide vết mì	meq/ kg fat	EVN-R-RD-2-TP-3623 (Ref. TCVN 6121:2018; ISO 3960:2017)	9.99
25	VD21D VD Brilliant blue (E133)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
26	VD21D VD Allura red (E129)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
27	VD21D VD Erythrosin (E127)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
28	VD21D VD Phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước (Tartrazine (E102), Sunset Yellow (E110), Ponceau 4R (E124), Erythrosine (E127), Allura Red (E129), Brilliant Blue (E133))	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
29	VD21D VD Ponceau 4R (E124)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
30	VD21D VD Sunset Yellow (E110)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
31	VD21D VD Tartrazine (E102)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
32	VDKBH VD (a) Độ ẩm (vết mì)	g/ 100 g	TCVN 7879:2008 (Codex stan 249:2006)	1.45
33	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	8.09
34	VD9T0 VD (m) Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	405

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/03/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/03/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.